

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-7-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Toan và bà Trần Thị Mão

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Giang Thị Quỳnh Loan – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: Xóm D Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm B, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: Xóm D Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình vào ngày 01/8/2001.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không tôn trọng chị H, thường xuyên chửi mắng chị H và đánh chị H bằng hình thức đấm, tát, bóp cổ, dùng dao kề vào cổ, nhiều lúc gây thương tích cho chị H. Sau các lần xảy ra mâu thuẫn thì hai bên gia đình đã hòa giải nhưng anh C không thay đổi tính nết vẫn tiếp

tục đánh đập chị H. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đến tháng 12/2023 chị H đã làm đơn xin ly hôn anh C. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, chị H đã suy nghĩ lại và muốn tạo điều kiện cho anh C thay đổi để vợ chồng đoàn tụ nên chị H đã rút đơn về. Từ khi chị H rút đơn về, hai vợ chồng vẫn không chung sống với nhau, tình cảm không được hàn gắn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, anh chị chính thức ly thân từ tháng 9/2023 đến nay, trong thời gian sống ly thân cả hai anh chị đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Chị H xác định không còn tình cảm với anh C, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là cháu Trần Thị Hoài P, sinh ngày 15/6/2002 và cháu Trần Huy H1, sinh ngày 14/12/2010. Hiện nay cháu P đã thành niên, có khả năng lao động nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng cháu. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Huy H1 vì cháu H1 có nguyện vọng ở với chị H, chị H là người trực tiếp chăm sóc cháu từ bé cho đến nay. Từ đầu tháng 7/2024, cháu H1 không còn chung sống cùng anh C nữa.

Về điều kiện nuôi con: Hiện tại chị H đang là công nhân của Công ty TNHH G, ngoài ra chị H còn bán hàng ở chợ B vào các ngày chủ nhật với mức thu nhập trung bình là 7.000.000đ/tháng nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu H1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay anh C làm thợ xây, có việc đều và thu nhập ổn định nên chị H đề nghị anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 7/2024 cho đến khi cháu H1 thành niên.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H xin chịu trách nhiệm nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh C nhất trí như lời trình bày của chị Phạm Thị H về thời gian tìm hiểu, việc đăng ký kết hôn của hai vợ chồng.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế, cả hai vợ chồng bị bệnh nên phải chi phí nhiều. Thời điểm đó anh C vừa đi làm vừa chữa bệnh, chị H chỉ ở nhà làm ruộng nhưng chị H lại đòi hỏi anh C vừa phải đi làm mang tiền về và vừa phải làm ruộng nên hai vợ chồng xảy ra cãi nhau, trong lúc cãi nhau chị H còn có thái độ thách thức nên anh C đã đánh chị H. Tình trạng này kéo dài đến năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm vì từ năm 2022 anh C đi làm công trình nhưng bị thua lỗ nên số tiền anh C đưa về cho chị H chỉ đủ chi tiêu không còn dư giả để tích lũy nên chị H nghi ngờ anh C mang tiền cho gái hoặc giấu làm vốn riêng. Từ đó vợ chồng xảy ra cãi nhau nhiều hơn, chị H không tôn trọng anh C và thường xuyên thách thức anh C nên mỗi khi bị thách thức anh C lại đánh chị H. Đến tháng 12/2023 chị H làm đơn xin ly hôn anh C sau đó chị H lại rút đơn về. Sau khi chị H rút đơn về thì vợ chồng không chung sống với nhau, chị H bỏ vào M sinh sống không

quan tâm gì đến anh C nữa. Anh C cũng đã cố gắng liên lạc với chị H nhưng không liên lạc được vì chị H cắt đứt liên lạc với anh C, gia đình chị H cũng giấu thông tin không cho anh C liên lạc với chị H. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay. Đến thời điểm hiện nay anh chị không chung sống với nhau, không gặp gỡ nhau, không nói chuyện được với nhau nên anh C cũng không có biện pháp nào để hòa giải được mâu thuẫn. Có một số lần khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì hai bên gia đình có đến hòa giải nhưng tính cách vợ chồng vẫn không thay đổi, vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Tuy chị Hoa cương quyết xin ly hôn nhưng anh C vẫn còn tình cảm với chị H, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh C không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh C nhất trí với lời trình bày của chị Phạm Thị H, anh C và chị H có 02 con chung là cháu Trần Thị Hoài P, sinh ngày 15/6/2002 và cháu Trần Huy H1, sinh ngày 14/12/2010. Hiện nay cháu H1 đang sống cùng chị H, không sống cùng anh C từ đầu tháng 7/2024.

Nếu Tòa án giải quyết cho anh C và chị H ly hôn, anh C không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng cháu Trần Thị Hoài P vì cháu đã thành niên, có khả năng lao động. Anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Huy H1 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Hiện tại anh C đang làm thợ xây, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng nên đủ điều kiện để nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh C không đồng ý ly hôn nên không chịu trách nhiệm nộp án phí.

*Tại Biên bản xác minh ngày 10/5/2024, UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cung cấp:* Trong thời gian chung sống tại xóm D, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, chị H, anh C hay cãi nhau. Từ khi chị H làm đơn xin ly hôn thì chị H không chung sống với anh C nữa. Chị H là công nhân, anh Cầu l thợ xây nên đều đủ điều kiện nuôi con. Mức chi phí nuôi dưỡng một cháu nhỏ dưới 18 tuổi tại địa phương trong một tháng là khoảng từ 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

*Tại Biên bản ghi ý kiến con chưa thành niên:* Cháu Trần Huy H1 có nguyện vọng muốn ở với mẹ nếu bố mẹ cháu ly hôn vì mẹ cháu quan tâm đến cháu hơn, bố cháu ít quan tâm đến cháu và hay quát mắng cháu. Cháu H1 còn trình bày, từ khi cháu còn bé cháu đã thấy bố mẹ cháu cãi nhau, sau này cháu lớn lên, cháu thấy bố mẹ cháu thường xuyên cãi nhau. thỉnh thoảng bố cháu lại đánh mẹ cháu, có lúc bố cháu còn đánh mẹ cháu chảy máu ở cổ. Cháu không muốn bố mẹ cháu tiếp tục chung sống với nhau vì bố cháu hay đánh mẹ cháu. Cháu rất sợ bố cháu gây thương tích cho mẹ cháu.

*Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng:* Cháu Trần Thị Hoài P là con đẻ của anh C, chị H trình bày từ bé đã thấy bố mẹ hay cãi nhau, không nhường nhịn nhau, lúc nóng nảy cả hai đều không kiểm soát được hành động và lời nói. Có lần bố cháu còn đánh mẹ cháu gây thương tích, cứ vài tháng lại xảy ra việc bố cháu đánh mẹ cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự.

Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C.

- Về nuôi con chung: giao cháu Trần Huy H1, sinh ngày: 14/12/2010 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn cho đến khi cháu thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Văn C phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trần Huy H1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 07/2024 cho đến khi cháu H1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng. Anh Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Văn C, anh Trần Văn C có nơi cư trú tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2001 tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện đến với nhau, không vi phạm điều cấm của pháp luật là hôn nhân hợp pháp.

Cả chị H và anh C đều xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2002, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cách xử sự với nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, anh C còn có hành vi đánh đập chị H nên dẫn đến đời sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc. Hai vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 9/2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua lời trình bày của chị H, anh C, của cháu P, cháu H1 có thể thấy anh C có hành vi bạo lực gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Từ việc anh C có những hành vi bạo lực gia đình nên dẫn đến chị H, anh C không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, sống ly thân nhau khiến cả hai không có tình nghĩa vợ, chồng là vi phạm quy định tại Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn anh Trần Văn C của chị Phạm Thị H là có cơ sở cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H, xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C.

*Về nuôi con chung:* Chị H và anh C đều thống nhất, anh chị có 02 con chung là cháu Trần Thị Hoài P, sinh ngày 15/6/2002 và cháu Trần Huy H1, sinh ngày 14/12/2010. Cháu Trần Thị Hoài P đã thành niên, có khả năng tự lao động nên chị H, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng cháu.

Chị H và anh C đều có việc làm, thu nhập ổn định nên đều đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con. Qua lời trình bày của cháu H1 cũng nhận thấy rằng thường ngày chị H là người quan tâm, chăm sóc cháu nhiều hơn, cháu H1 có sự gắn bó với chị H nhiều hơn nên cần xem xét nguyện vọng của cháu H1 để cho cháu được ổn định tâm lý, yên tâm học tập, hạn chế sự xáo trộn về môi trường sống. Do đó, cần giao cháu Trần Huy H1 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên là phù hợp quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh C không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh C có thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng, mức lương tối thiểu vùng áp dụng cho khu vực huyện Y là 3.450.000đ/tháng theo quy định tại Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, cháu H1 không sống cùng anh C từ đầu tháng 7/2024. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc anh Trần Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Huy H1 mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và Gia đình, Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và mức chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của một đứa trẻ dưới 18 tuổi tại địa phương. Thời điểm cấp dưỡng nuôi cháu H1 kể từ tháng 7/2024 cho đến khi cháu H1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*Về chia tài sản chung, nợ chung:* Chị H và anh C đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trần Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Về quyền kháng cáo:* các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 21, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Văn C.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C. Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Trần Văn C chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về nuôi con chung:**

Giao cháu Trần Huy H1, sinh ngày 14/12/2010 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Huy H1 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi cháu H1 kể từ tháng 7/2024 cho đến khi cháu H1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

### **3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001917 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã Yên Nhân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thị Thu Minh**